

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **456/2020/DS – ST**

Ngày: 04/12/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

Ông Phạm Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 05 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 195/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đào Thị Ánh T**, sinh năm 1959 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: Số 19 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 25 Đường D, Phường Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1969 (*vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: Số 116/17R Đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Đào Quang M**, sinh năm 1975 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Thường trú: Số 227/12/1 Đường I, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khác: A111 hẻm 22 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 13/05/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đào Thị Ánh T trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết, bà Đào Thị Ánh T cho bà Nguyễn Ngọc S vay tiền nhiều lần. Ngày 13/6/2018, hai bên chốt số tiền vay và bà S có viết Giấy mượn tiền cho bà T, nội dung bà S mượn của bà T số tiền là 100.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 15/7/2018 mỗi tháng bà S trả cho bà T 5.000.000 đồng do ông Đào Quang M là em ruột của bà T nhận thay (vì thời điểm đó bà T phải đi nước ngoài nuôi mẹ bệnh), nếu làm ăn được bà S sẽ thanh toán hết số tiền một lần.

Sau khi viết giấy mượn tiền, bà S chỉ trả cho bà T được một lần số tiền là 5.000.000 đồng sau đó thì né tránh không trả và cũng không gặp bà T dù mặc dù bà T đã yêu cầu nhiều lần. Bà T không gặp được bà S, chỉ gặp qua điện thoại thì bà S hứa sẽ trả nhưng không thực hiện. Từ đầu năm 2019 đến nay bà T không còn gọi điện cho bà S được nữa.

Bà S có hộ khẩu thường trú và cư trú tại nhà số 116/17R (số cũ 116/10/21) Đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong Giấy mượn tiền trước đó ngày 06/8/2017, ngày 12/8/2017 (đã kết chuyển vào giấy mượn tiền ngày 13/6/2018) bà S cũng ghi địa chỉ tại đây. Tuy giấy mượn tiền ngày 13/6/2018 bà S không ghi địa chỉ nhưng bà S có đưa cho bà T giữ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do bà S làm giám đốc cũng ghi địa chỉ tại nhà 116/17R Đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T có đến nhà hỏi thông tin bà S nhưng bà S cố tình tránh mặt không gặp. Bà T không biết địa chỉ nào khác của bà S.

Khoản tiền bà T cho bà S vay là tiền riêng của bà T (bà T sống độc thân). Bà T cho một mình bà S vay tiền (bà S hiện đã ly hôn) nên chỉ yêu cầu một mình bà S có trách nhiệm trả nợ cho bà T số tiền nợ gốc còn lại là 95.000.000 đồng.

Về tiền lãi nếu bà S thực hiện đúng cam kết thì số nợ sẽ trả trong vòng 20 tháng, bắt đầu từ ngày 15/7/2018 đến 15/02/2020 sẽ trả dứt điểm được số nợ vốn. Do đó bà T yêu cầu bà S phải trả tiền lãi tính từ ngày 16/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số nợ vốn còn thiếu là 95.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định là 10%/năm.

*** Tại bản khai ngày 19/8/2020, ông Đào Quang M trình bày:**

Ông Đào Quang M là em ruột của bà Đào Thị Ánh T. Ông M xác nhận số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) bà T cho bà S mượn theo giấy mượn tiền ngày 13/6/2018 là tiền riêng của bà T. Việc giao tiền nhận tiền giữa bà T và bà S như thế nào ông M không biết. Do thời gian đó bà T phải nuôi người thân ốm tim ở nước ngoài không thể trực tiếp nhận tiền của bà S trả hàng tháng nên mới ghi trong giấy vay tiền là hàng tháng bà S sẽ trả cho bà T 5.000.000 đồng và nhờ ông M nhận thay số tiền này. Tuy nhiên, từ lúc lập giấy vay tiền cho đến nay, bà S chỉ đưa cho ông M một lần số tiền là 5.000.000 đồng để trả cho bà T, không nói rõ là tiền gốc hay tiền lãi. Sau đó nhiều lần ông M gọi

điện thoại và nhắn tin nhưng bà S cố tình không nghe máy và cũng không trả lời tin nhắn.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho bà Nguyễn Ngọc S các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Ngọc S không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của bà S. Ngày 09/9/2020, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là bà Nguyễn Ngọc S vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời nguyên đơn là bà Đào Thị Ánh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa công bố: Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà S phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Đào Thị Ánh T, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Căn cứ xác minh của Công an Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ Giấy mượn tiền ngày 06/8/2017, ngày 12/8/2017 đã kết chuyển vào Giấy mượn tiền ngày 13/6/2018, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ C do bà Nguyễn Ngọc S làm giám đốc và lời khai của nguyên đơn đã có cơ sở xác định: Bà Nguyễn Ngọc S cư trú và có hộ khẩu thường trú tại nhà số nhà 116/17R Đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện tại không cư trú tại địa chỉ này, đi đâu không rõ. Như vậy thời điểm bà T nộp đơn khởi kiện bà S vào ngày 13/5/2020 do không biết nơi cư trú của bà S nên ghi địa chỉ của người bị kiện là nơi cư trú cuối cùng tại nhà số 116/17R Đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét thấy Giấy mượn tiền ngày 13/6/2018, bà S ghi có vay của bà T số tiền là 100.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 15/7/2018 sẽ thanh toán mỗi tháng 5.000.000 đồng cho ông Đào Quang M. Bà T khai số nợ 100.000.000 đồng là kết chuyển của những khoản nợ trước đó, ngày 13/6/2018 bà S viết giấy ghi nợ cho bà T và cam kết trả mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đưa cho ông M nhận thay cho đến khi hết nợ, nếu có sớm thì trả sớm.

Như vậy bà T đã cho bà S vay số tiền 100.000.000 đồng, từ ngày 15/7/2018 mỗi tháng sẽ thanh toán 5.000.000 đồng, tuy nhiên đến nay bà S mới chỉ trả cho bà T được 5.000.000 đồng, bà S đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn trả tiền. Việc vay tiền đã lâu bà S không trả được tiền nợ vốn cho bà T, nếu kéo dài sẽ gây thiệt hại quyền lợi của bà T, do đó chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bà S phải trả ngay cho bà T số tiền nợ vốn là 95.000.000 đồng.

Về tiền lãi, bà T cho rằng nếu bà S thực hiện đúng cam kết thì số nợ sẽ trả trong vòng 20 tháng, bắt đầu từ ngày 15/7/2018 đến ngày 15/02/2020 sẽ trả dứt điểm được số nợ vốn. Do đó bà T yêu cầu bà S phải trả tiền lãi, cụ thể: Từ ngày 16/02/2020 (ngày quá hạn trả nợ) đến ngày 04/12/2020 (9,6 tháng), tính mức lãi là 10%/năm tương đương 0,8333%/tháng trên số nợ gốc 95.000.000 đồng là: $95.000.000 \text{ đồng} \times 9,6 \text{ tháng} \times 0,8333\%/\text{tháng} = 7.599.696 \text{ đồng}$.

Xét yêu cầu trả tiền lãi của bà T không vượt quá quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, do đó chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bà S phải trả thêm số tiền lãi là 7.599.696 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi bà T yêu cầu bà S phải trả được chấp nhận là: $95.000.000 \text{ đồng} + 7.599.696 \text{ đồng} = 102.599.696 \text{ đồng}$.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc S chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho bà T là 5.129.985 đồng.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ánh T.

Bà Nguyễn Ngọc S có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị Ánh T tổng số tiền là 102.599.696 đồng (*một trăm lẻ hai triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng*) (trong đó nợ gốc là 95.000.000 đồng, nợ lãi là 7.599.696 đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 13/6/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Nguyễn Ngọc S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc S chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.129.985 đồng (*năm triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng*).

Bà Đào Thị Ánh T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị Ánh T, bà Nguyễn Ngọc S, ông Đào Quang M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huyền